

Bản án số: 216/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tô Văn Đức

Ông Nguyễn Đức Kha

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2022/QĐ-ST ngày 25/11/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Chị H ủy quyền cho anh Nguyễn Bá T, sinh ngày 04/12/1973; Địa chỉ: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp các tài liệu với Tòa án (văn bản ủy quyền không ghi ngày tháng năm (bút lục 04).

**2. Bị đơn:** Anh Ngô Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong

tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kinh tế khó khăn vợ chồng bàn bạc để chị đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ngày 30/11/2019 con trai lớn chị là cháu Ngô Văn G chết nên chị về nước lo hậu sự cho con sau đó tháng 01/2020 chị tiếp tục quay lại Đài Loan lao động. Do anh, chị có mâu thuẫn từ trước nên khi sang Đài Loan lao động chị không liên lạc gì với anh T, chị chỉ gọi điện về hỏi thăm sức khỏe và tình hình học tập của con trai thứ hai là cháu D. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 1/2020 đến nay chị và anh T không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị và anh Ngô Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Văn G, sinh ngày 14/8/2004 và cháu Ngô Duy D, sinh ngày 16/9/2008. Cháu Giang đã chết, còn cháu Ngô Duy D. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu anh T đề nghị giải quyết thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/01 tháng và hình thức cấp dưỡng là hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Ngô Văn T là bị đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 là người cùng xã có quen biết, tìm hiểu một thời gian ngắn, được hai bên gia đình đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 20/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, sau đó tổ chức hôn lễ theo nghi thức truyền thống và sinh sống cùng bố mẹ anh ở thôn Cả, xã C, huyện Y. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị H đi xuất khẩu lao động từ năm 2014, từ đó đến nay về thăm nhà hai lần, từ 30/11/2019 đến nay không thấy về nữa, không liên lạc với anh, chỉ liên lạc với con anh là cháu D, chị H không gửi tiền về nuôi con, anh cũng không to tiếng, không cãi nhau hay mâu thuẫn với chị H bao giờ, anh có gọi điện thoại cho chị H một hai lần nhưng chị H không nghe máy, nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng nếu không được anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Văn G, sinh ngày 14/8/2004 (đã chết) và cháu Ngô Duy D, sinh ngày 16/9/2008. Hiện đang học lớp 9 Trường trung học cơ sở C. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao con chung cho

anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tại đơn xin vắng mặt anh T trình bày vì bận công việc nên anh không thể đến Tòa để tham gia tố tụng được, anh đề nghị giải quyết vắng anh trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

*Cháu Ngô Duy D trình bày:* Cháu là con của bố Ngô Văn T, Nguyễn Thị H, cháu đang học lớp 9 Trường trung học cơ sở C và đang ở cùng ông bà nội và bố, Cháu mong Tòa hòa giải để bố mẹ đoàn tụ nhưng nêu không được thì cháu có nguyện vọng được ở với bố.

*Người được ủy quyền anh Nguyễn Bá T trình bày:* Anh đồng ý nhận ủy quyền của chị Nguyễn Thị H về việc giao nhận các tài liệu đối với Tòa án. Anh cam đoan chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong đơn khởi kiện bản tự khai, giấy ủy quyền là của chị H viết, ký điểm chỉ. Anh đề nghị Tòa án giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trong các tài liệu chị H gửi đến Tòa án. Anh tự chi trả chi phí giám định với cơ quan có thẩm quyền và đề nghị Tòa án không giải quyết chi phí đó trong vụ án.

*Tại phiên tòa,* chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Văn T đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị H; anh Ngô Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

Về con chung: Do chị H hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Duy D, sinh ngày 16/9/2008

cho anh Ngô Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chị H gửi từ nước ngoài về yêu cầu khởi kiện:

Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo của nguyên đơn gửi từ nước ngoài đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang chỉ thể hiện chữ ký, chữ viết, điểm chỉ bằng vân tay của chị Nguyễn Thị H nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài. Do đó, để có căn cứ xác định chữ ký, viết, dấu vân tay trong đơn khởi kiện và các tài liệu do chính chị Nguyễn Thị H gửi đến Tòa án. Theo đơn đề nghị của anh T là người được ủy quyền đề nghị giám định dấu vân tay trên các tài liệu của chị Nguyễn Thị H gửi về, Tòa án tiến hành thu thập mẫu vân tay của chị H khi làm Chứng minh nhân dân (chỉ bản) tại Công an tỉnh Bắc Giang, Giấy chứng nhận kết hôn để giám định dấu vân tay đối chiếu với tài liệu do chị H gửi đến Tòa án có đúng là do một người viết, ký và lăn vân tay hay không.

Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số: 05/2022/QĐ-TCGD ngày 14/11/2022 gửi phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang. Tại kết luận giám định số 2193/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang ngày 30/11/2022 đã kết luận:

1. Dấu vân tay màu đỏ bên phải dưới các mục “Người khởi kiện”, “Người khai”, “Bên ủy quyền” trên các tài liệu gửi giám định so với dấu vân tay ở ô “Trở phải” trên bản sao Chỉ bản số 121584015, mang tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH-Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

2. Phòng Kỹ thuật hình sự không kết luận giám định đối với chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết “H - Nguyễn Thị H” tại các mục “Người khởi kiện, bên ủy quyền, người khai” trên các tài liệu cần giám định do tài liệu mẫu so sánh ít và thời điểm viết các xa nhau.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy ủy quyền và các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H do anh Nguyễn Bá T nộp tại Tòa án tỉnh Bắc Giang là do chị Nguyễn Thị H viết và ký. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Theo Công văn trả lời số 21519/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 17/10/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp,

chị H xuất cảnh gần đây nhất là ngày 28/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đều xác định chị H đang lao động tại Đài Loan. Do đó, chị H được xác định là đang ở nước ngoài. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”. Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Ngô Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn T, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống với nhau hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn chị H đi lao động tại Đài Loan. Sau khi đi lao động một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 01/2020 đến nay do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Anh T xác định vợ chồng không mâu thuẫn nhưng từ lâu anh, chị không còn liên lạc với nhau, nếu chị H xin ly hôn anh cũng đồng ý. Do đó, cần xác định vợ chồng chị H, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Ngô Văn G, sinh ngày 14/8/2004 và cháu Ngô Duy D, sinh ngày 16/9/2008. Tuy nhiên, cháu G đã chết, hiện nay chỉ còn cháu D đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị H đề nghị giao con chung cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng và nếu anh T yêu cầu cấp dưỡng chị chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng. Anh T cũng đề nghị giao con chung là cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét yêu cầu của chị H đề nghị giao con chung là cháu D cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị H đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H từ khi đi nước ngoài cháu D vẫn do anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu được đi học đầy đủ và phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Ly hôn, chị H, anh T đề nghị giao cháu D cho anh T là người trực tiếp

nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, anh T. Giao cháu Ngô Duy D cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi ích con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu D.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ngô Văn T không đề nghị chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ: Chị H, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Bà Tuấn không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Ngô Văn T.

**2.** Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Ngô Duy D, sinh ngày sinh ngày 16/9/2008 cho anh Ngô Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000614 ngày 04/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**



